

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Huyện K - tỉnh Ninh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **53/2023/HNGĐ-ST**

Ngày **30/8/2023**

"V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Trần Văn Nghi

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị PH, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐST - HNGĐ ngày 28/7/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị Diễm H, sinh năm 1999; ĐKKH và trú tại: Ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

- **Bi đơn**: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990; ĐKKH và trú tại: xóm 5, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 26/5/2023 được bổ sung tại bản tự khai ngày 26/5/2023 nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình từ năm **2019** là quê của anh H1. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thành phố Cần Thơ, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do bất đồng quan điểm lối sống vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Do không thể chịu đựng được nên từ đầu năm 2022 vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh H1 có một người con chung là **Nguyễn Lê Nhã L, sinh ngày 13/9/2019**, hiện cháu **Lam** đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H1 đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh Nguyễn Văn H1: có ĐKKH và đang cư trú tại: xóm 5, xã Ân Hoà, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện K đã giao Thông báo thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của BLTTDS cho anh H1 thông qua bố để là ông Nguyễn Văn **L1**. Mặc dù anh H1 đã nhận được thông báo và nhận các văn bản tố tụng, biết rõ việc TAND huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với anh, nhưng anh H1 không có mặt làm việc tại Tòa án, không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và không cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất ngày 15/8/2023, do anh H1 vắng mặt, do đó hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vụ án vào ngày 30/08/2023. Tại phiên tòa hôm nay anh H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Diễm H ly hôn anh Nguyễn Văn H1.
- Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Lê Nhã L, sinh ngày 13/9/2019** cho chị Lê Thị Diễm H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.
- Án phí: Chị Lê Thị Diễm H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Diễm H có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn ” với anh Nguyễn Văn H1, anh H1 có nơi cư trú tại: xóm 5, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là chị Lê Thị Diễm H, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Diễm H và anh Nguyễn Văn H1 có đăng ký kết hôn năm **2019** tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống **cùng bố mẹ đẻ anh H1 tại xóm 5, xã A được thời gian ngắn, sau đó vợ chồng vào quê của chị H để làm ăn sinh sống**. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn,.

Về phía chị H xác định nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, cả hai đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả vì vậy anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2022, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Về phía anh H1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh H1 không có bản tự khai, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó thể hiện anh H1 không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng cũng như không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm và về đoàn tụ.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh H1 tại UBND xã A là nơi anh H1 cư trú thì chính quyền địa pH xác nhận vợ chồng chị H, anh H1 có đăng ký kết hôn **năm 2019** tại UBND xã A, vợ chồng đã sống ly thân từ **đầu năm 2022 đến nay**, hiện chỉ có một mình anh H1 đang chung sống cùng với bố mẹ đẻ tại xóm 5, xã A. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa pH không biết do vợ chồng chị H, anh H1 không thường xuyên sinh sống tại địa pH và không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì về tình trạng hôn nhân của chị H, anh H1. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh H1 quan điểm của UBND xã là đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ những chứng cứ nêu trên có thể xác định mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm lối sống, cả hai bên đương sự đã tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên hai bên đã sống ly thân nhau từ 2022 không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng họ đã đến mức trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân của hai anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1 căn cứ quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân gia đình là có căn cứ được được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là **Nguyễn Lê Nhã L, sinh ngày 13/9/2019**, Khi ly hôn chị xin nhận nuôi con và không yêu cầu anh H1 đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Về phía anh H1 không có lời khai và không có ý kiến gì về vấn đề con cái khi giải quyết ly hôn. Xét cháu **L** hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, có thu nhập thường xuyên ổn định, đồng thời chị H cũng tự nguyện không yêu cầu anh H1 đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Do đó việc giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không buộc anh H1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81,82 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết; còn anh H1 không có ý kiến gì. Vì vậy HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Diễm H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Diễm H với anh Nguyễn Văn H1.

2. Giao chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là **Nguyễn Lê Nhã L, sinh ngày 13/9/2019 đến khi thành niên**; anh H1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Diễm H phải nộp 300.000^d nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **AA 4940** ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử sơ thẩm công khai, chị H và anh H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh